TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16 / 2018/ HS - ST
Ngày: 06 - 4 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huệ

Ông Vũ Văn Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lý Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bá Xuyên. Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2018/ TLST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn S, sinh ngày 05 tháng 6 năm 1984, tại huyện P, tỉnh B (nay là tỉnh Thái Nguyên). Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tr (đã chết) và bà: Hoàng Thị Nh; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 18/4/2013, bị cáo S bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở giáo dục thời hạn 24 tháng (theo Quyết định số 713/ QĐ-UBND), ngày 09/3/2015 bị cáo chấp hành xong; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công cho đến nay (Có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Văn N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987, tại huyện P, tỉnh B (nay là tỉnh Thái Nguyên). Nơi cư trú: xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): lớp 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn Tr (đã chết) và bà: Hoàng Thị Nh; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/12/2017 tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Sông Công cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N: Bà Nguyễn Thị D, Trợ giúp viên pháp lý – hiện đang công tác tại Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước, Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1960. Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

Người làm chứng:

- Anh Đặng Văn Th, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (Vắng mặt).

- Ông Trần Văn Ph, sinh năm 1962. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- Ông Trần Minh Q, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

- Bà Trần Thị M, sinh năm 1961. Địa chỉ: Tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 45 phút ngày 11/12/2017, tại km 114 + 100 Quốc lộ 37 thuộc tổ dân phố P, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Tổ công tác Công an phường Lương Sơn phát hiện Nguyễn Văn N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR biển số 20H3 – 5116, chở Nguyễn Văn S có biểu hiện nghi vấn. Tiến hành kiểm tra hành chính thì Nguyễn Văn S thả từ trên tay xuống đất 01 túi nilon bên trong chứa chất bột màu trắng, S khai là Heroine mua về để S và N sử dụng. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tangthu giữ vật chứng, đồng thời thu giữ 03 xi lanh nhựa, loại 3ml; 02 vỏ lọ nước cất nhãn hiệu Novocain; 01 ví da màu đen; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR, biển số 20H3 – 5116 *(bút lục 39 - 42).*

Mở niêm phong cân vật chứng xác định số chất màu trắng bên trong 01 gói nilon thu giữ được của bị cáo S có trọng lượng là 0,638 gam *(bút lục số 50).* Tại bản kết luận giám định số 141/KL-PC54 ngày 19/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thái Nguyên kết luận: Chất bột màu trắng thu giữ của Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N là chất ma túy, loại Heroine, có trọng lượng (khối lượng): 0,638 gam *(bút lục 52).*

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N đều khai, các bị cáo là anh em ruột, hiện đang sinh sống cùng nhà với mẹ đẻ là bà Hoàng Thị Nh, sinh năm 1943. Do cùng nghiện chất ma túy, nên thường đi mua ma túy về sử dụng chung. Từ tháng 5/2017, hai anh em đi làm thợ xây cho anh Đặng Văn Th, trú tại: xóm Đ, xã T, huyện P và được anh Th trả tiền công lao động cho cả hai anh em 400.000đ/ 01 ngày công, nên hằng ngày S và N đều ứng trước 300.000 đồng để mua ma túy sử dụng chung. Khoảng 06 giờ ngày 11/12/2017, S cùng N đi bộ từ nhà đến nhà anh Th để ứng tiền đi mua ma túy sử dụng, tại đây S gặp anh Th và ứng được 320.000đồng, rồi S mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR biển số 20H3 – 5116, đăng ký mang tên ông Đặng Văn T (là bố đẻ anh Th) anh Th đang quản lý để đi làm. S dắt xe đi ra công rồi bảo N đi xe về nhà đợi, N hiểu là đã ứng được tiền, nên đi về chuẩn bị dụng cụ để sử dụng ma túy, còn S một mình đi đến khu vực bờ sông thuộc xóm X, xã Đ, huyện P, gặp một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ. S

hỏi mua 01 gói ma túy với giá 300.000đồng, người đàn ông đồng ý, S đưa tiền và đồng thời người đàn ông đưa cho S 01 gói nilong bên trong chứa ma túy, S cầm gói ma túy rồi đi bộ về nhà, cất số tiền 20.000 đồng, rồi đi ra chỗ N đứng đợi, S bảo với N đã mua được ma túy, rồi bảo N điều khiển xe môtô chở S đi làm, lúc nào thuận tiện thì cùng nhau sử dụng ma túy. Khi đi đến đoạn đường thuộc km 114 + 100 Quốc lộ 37 thuộc tổ dân phố P, phường L, thành phố S thì tổ công tác Công an phường Lương Sơn phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng như đã nêu trên *(bút lục 60-96).* Những người làm chứng Đặng Văn Th, Trần Văn Ph, Trần Minh Q và Trần Thị M đều khai về diễn biến, nội dung sự việc diễn ra đúng như đã nêu ở phần trên *(bút lục: 97 - 112).*

Về vật chứng và đồ vật liên quan: Xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR, biển số 20H3 – 5116 Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Đặng Văn T là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. 01 bì niêm phong ký hiệu A1 trong chứa 0,590 gam heroine là mẫu hoàn trả lại sau giám định; 01 bì niêm phong ký hiệu A2; 03 xi lanh nhựa, loại 3ml; 02 vỏ lọ nước cất nhãn hiệu Novocain; 01 ví da màu đen được chuyển bảo quản theo quy định về quản lý vật chứng..

Tại bản cáo trạng số 11/ CT – VKS ngày 13/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo S và N về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo S và N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; áp dụng khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ S năm 2017); xử phạt bị cáo S từ 24 đến 30 tháng tù, bị cáo N từ 18 đến 24 tháng tù; về vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng đang thu giữ; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho các bị cáo S, N nhất trí quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản áp dụng; đề nghị miễn hình phạt bổ S và án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo S và N; tuy nhiên về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị, người bào chữa xác định quá cao, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình hiện tại hai bị cáo đang là lao động chính, nuôi mẹ già không có thu nhập, xét xử bị cáo S từ 15 đến 18 tháng tù, bị cáo N từ 12 đến 18 tháng tù; bị cáo S, N không bổ S ý kiến bào chữa. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm về mức hình phạt đề nghị.

Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo đều nói lời sau cùng, đến nay đều đã thấy ân hận về hành vi đã thực hiện, xin được giảm nhẹ hình phạt ở mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, cả hai bị cáo S và N đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người làm chứng Th, Ph, Q, M; biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở xác định: hồi 06 giờ 45 phút ngày 11/12/2017 tại km 114 + 100 Quốc lộ 37 thuộc tổ dân phố Phú Thái, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công. Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N đang tàng trữ trái phép 0,638 gam Heroine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân thì bị Công an bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo S và N đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, quy định:*"1. Người nào tàng trữ.....trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm"*. Do có thay đổi về chính sách pháp luật hình sự, theo quy định tại Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 đã được sửa đổi, bổ S một số điều theo Luật số 12/2017/ QH14.. ; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 về việc áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội đối với hành vi phạm tội được thực hiện trước khi điều luật có hiệu lực thi hành, Tòa án áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ S năm 2017 (có mức thấp nhất và cao nhất của khung hình phạt thấp hơn so với khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999) để xét xử theo quy định của Bộ luật hình sự mới có hiệu lực, có lợi cho các bị cáo. Nội dung Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ S năm 2017) quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy…thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam"

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng chất ma tuý, gây mất trật tự an toàn xã hội.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo S là người giữ vai trò chính, bị cáo là người trực tiếp đi mua ma túy về để cùng bị cáo N sử dụng. Bị cáo N biết S vừa đi mua ma túy về và đang tàng trữ ma túy trong người nhưng vẫn chở S đi cùng vì cả hai bị cáo cùng chung tiền mua và chung mục đích cùng nhau sử dụng ma túy, nên bị cáo là người có vai trò đồng phạm đối với hành vi tàng trữ ma túy của bị cáo S.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo S và N là hai anh em ruột, sinh ra, lớn lên tại xã Thượng Đình, huyện Phú Bình, S học hết lớp 6/12, N học hết 3/12 sau đó ở nhà lao động tự do. Các bị hiện đang ở cùng nhà, cùng là người nghiện chất ma túy và thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo N đến nay chưa từng bị kết án hoặc xử lý vi phạm hành chính, còn bị cáo S năm 2013 đã từng bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ cơ giáo dục. Các bị cáo hiện đều không có tiền án, tiền sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, cả hai bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đây là vụ án có tính chất nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý và chỉ được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, nên cần phải xét xử bằng án phạt tù, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội. Hội đồng xét xử cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, để xét xử các bị cáo mức án phạt tù phù hợp. Về mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị là phù hợp, còn mức hình phạt người bào chữa đề nghị là chưa tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo. Tuy nhiên, xét hoàn cảnh hiện tại của các bị cáo đang là lao động chính nuôi mẹ già, Hội đồng xét xử cân nhắc cho các bị cáo được hưởng án phạt ở khởi điểm trong mức án phạt tù đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị, thể hiện tính nhân văn, khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa và cũng là đủ để giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ S: Các bị cáo là người nghiện chất ma túy và đều thuộc diện hộ cận nghèo, nên xét miễn hình phạt bổ S cho các bị cáo.

Về nguồn gốc số ma túy, bị cáo S khai mua của người không quen biết, đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý theo quy định. Đối với anh Đặng Văn Thành là người cho bị cáo S, N ứng tiền công lao động, cho S và N mượn xe mô tô, nhưng anh Thành không biết việc S và N sử dụng tiền và xe đi mua ma túy, không giữ vai trò đồng phạm với S và N, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp.

[3] Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: Xe mô tô nhãn hiệu SYM STAR, biển số 20H3 – 5116, ông Đặng Văn T không biết các bị cáo sử dụng để đi mua ma túy, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Tiến là chủ sở hữu quản lý, sử dụng là đúng pháp luật. Ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau khi giám định và những vật chứng, tài sản khác Cơ quan điều tra đã thu giữ là vật Nhà nước cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu, tiêu hủy.

[4] Về án phí: Các bị cáo bị kết án, nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Tuy nhiên cả hai bị cáo S và N đều là cá nhân thuộc hộ cận nghèo, tại phiên tòa, các bị cáo và người bào chữa xin được miễn án phí. Căn cứ theo quy định tại điểm đ khoản

1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho cả hai bị cáo.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/ 2015/ QH13 đã được sửa đổi, bổ S một số điều theo Luật số 12/2017/ QH14; khoản 3 Điều 7, điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ S năm 2017); Điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53, Điều 33, Điều 41 của Bộ luật Hình sự năm 1999; các Điều 106, 136, 329, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/ 12/ 2017.

- Bị cáo Nguyễn Văn N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/ 12/ 2017.

3. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo 45 (*bốn mươi lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án.

4. Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy: 02 bì niêm phong ký hiệu A1 và A2; 03 xi lanh nhựa, loại 3ml, đã qua sử dụng; 02 vỏ lọ nước cất, nhãn hiệu Novocain; 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng. *(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/ 3/ 2018 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).*

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Nguyễn Văn S và Nguyễn Văn N.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đặng Văn Tiến.

Báo cho các bị cáo S, N và ông Tiến biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo; người liên quan;

- UBND xã Thượng Đình, huyện Phú Bình (kèm TB Kq XX);
- THA: H.sự, D.sự (án đã có hiệu lực)
- Lưu: H.sơ, HS, VT

(đã ký)

Dương Văn Phong